








BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ/c: 117C Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận
<https://tphcm.baohiemxahoi.gov.vn/>
 Điện thoại: 028.39979039

Báo cáo viên pháp luật Thành phố:
 Nguyễn Quốc Thanh
 Email: qthanh72@gmail.com (07/2020)



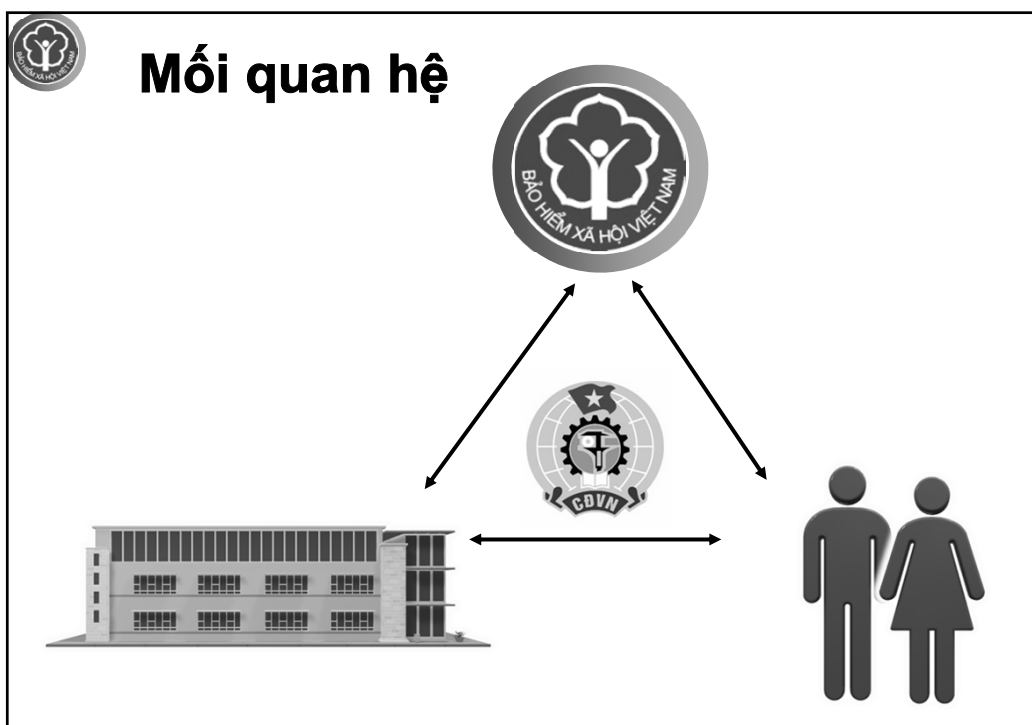
NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH BHXH TRONG NGHỊ QUYẾT 28-NQ/TW


Ngày 23/5/2018, Ban chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW; trong đó đặt ra những định hướng lớn về cải cách chính sách BHXH thời gian tới.

Linh hoạt thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu	 Người lao động có thể lựa chọn đóng: <table border="1"> <tr> <td>20 năm</td> <td>15 năm</td> <td>10 năm</td> </tr> </table>	20 năm	15 năm	10 năm	Để hưởng lương hưu (được tính toán phù hợp với số năm tham gia)
20 năm	15 năm	10 năm			
Thêm 4 đối tượng tham gia BHXH bắt buộc	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ hộ kinh doanh - Người quản lý doanh nghiệp - Người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt - Người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương 				
Thiết kế các gói BHXH tự nguyện ngắn hạn	 BHXH tự nguyện	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng, bổ sung các chế độ - Linh hoạt về đóng, hưởng - Chuyển đổi thuận lợi giữa BHXH tự nguyện và BHXH bắt buộc 			
Hạn chế hưởng BHXH một lần	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm quyền lợi nếu hưởng BHXH 1 lần - Khuyến khích, tăng quyền lợi nếu người lao động tham gia BHXH dài hơn - Tăng tỷ lệ giảm trừ tiền lương hưu với người muốn nhận chế độ hưu trí sớm 				


PC

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM <http://baohiemxahoi.gov.vn>



 Mức đóng: Tiền lương X Tỷ lệ đóng (%)					
Nguồn hình thành (Từ 01/06/2017)	BHXH	BH TNLĐ, BNN	BHYT	BHTN	Cộng
Người sử dụng LĐ	17%	0,5%	3%	1%	21,5%
Người lao động	8%		1,5%	1%	10,5%
Nhà nước hỗ trợ				1%	1%
Tổng cộng	25%	0,5%	4,5%	3%	33%
Phân bổ quỹ:					
+ Ốm đau, thai sản	3%				
+ Hưu trí, tử tuất	22%				

NĐ 58/2020/NĐ-CP: một số đơn vị có QĐ của Bộ LĐTBXH thì mức đóng TNLĐ-BNN là 0,3%

 Tổng hợp Đối tượng đóng				
Đối tượng	BHXH	TNLĐ -BNN	BHYT	BHTN
1. NLĐ, Viên chức có HĐLĐ, HĐLV từ 1 đến dưới 3 tháng (trừ thử việc)	X	X		
2. HĐLĐ, HĐLV từ 3 tháng trở lên	X	X	X	X
3. Người quản lý DN, HTX có hưởng tiền lương	X	X	X	X
4. Công chức, Quân đội, Công an	X	X	X	
5. NLĐ được cử đi học, thực tập, công tác trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương ở trong nước	X	X		X
6. Người hoạt động không chuyên trách xã, phường; Người hưởng chế độ phu nhân, phu quân.	HT-TT (22%)		X	
7. Người hưởng đủ điều kiện khác nhưng thiếu thời gian đóng BHXH không quá 6 tháng để hưởng hưu trí (hoặc tuất) hàng tháng.	HT-TT (22%)			
8. NLĐ giao kết HĐLĐ thứ 2 trở đi		X		
9. Người nước ngoài (GPLĐ + HĐ >=1 năm): từ 12/2018: đóng OĐ, TS. Từ 01/2022: thêm HT-TT.	X	X	X	

.....Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc.....

1. Tiền lương Nhà nước

Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này tính trên mức lương cơ sở tại thời điểm đóng.
Riêng người hoạt động không chuyên trách xã, phường đóng bằng mức lương cơ sở.

Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN quy định tại khoản này bao gồm cả hệ số chênh lệch bảo lưu theo quy định.

.....Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc (điều 89).....

2. Tiền lương do đơn vị quyết định

Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong HĐLĐ.

- Nếu tiền lương tháng đóng **BHXH, BHYT** cao hơn 20 tháng lương cơ sở thì đóng BHXH, BHYT bằng 20 tháng lương cơ sở.
- Nếu tiền lương tháng đóng **BHTN** cao hơn 20 tháng lương tối thiểu vùng thì đóng BHTN bằng 20 tháng lương tối thiểu vùng.

Người lao động có tiền lương tháng ghi trên hợp đồng lao động bằng ngoại tệ thì tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN được tính bằng Đồng Việt Nam trên cơ sở tiền lương bằng ngoại tệ được chuyển đổi bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng 2/1 cho 6 tháng đầu năm; 1/7 cho 6 tháng cuối năm.

Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH
Phụ cấp lương đóng và các khoản không đóng BHXH



Lương tối thiểu 01/01/2020: (đồng)

1. NĐ 38/2019/NĐ-CP: Mức lương cơ sở từ 01/07/2019 là **1.490.000** đồng. Áp dụng cho đơn vị HC-SN, QĐ,CA và một số chế độ BHXH.
2. NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 (Địa bàn áp dụng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định)

Mức lương tối thiểu	Luật DN và khác (Giản đơn)	Đã qua học nghề, đào tạo (+7%)	Nặng nhọc, độc hại (+5% ĐK BT)
Vùng I: <i>Doanh nghiệp hoạt động tại các quận, huyện TP HCM (trừ huyện Cần Giờ) ...</i>	4.420.000	4.729.400	4.965.870
Vùng II: <i>Doanh nghiệp hoạt động tại huyện Cần Giờ TP HCM ...</i>	3.920.000	4.194.400	4.404.120
Vùng III: ...	3.430.000	3.670.100	3.853.605
Vùng IV: ...	3.070.000	3.284.900	3.449.145



PHƯƠNG THỨC ĐÓNG

Hàng tháng, chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng trên quỹ tiền lương tháng của những người lao động tham gia đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

Lưu ý: Khi lập ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền đơn vị phải ghi đầy đủ 3 tiêu chí: tên đơn vị, mã đơn vị tham gia BHXH, nội dung nộp tiền.



XỬ LÝ VI PHẠM (điều 122)

1. Đơn vị chậm đóng từ 30 ngày trở lên thì phải đóng số tiền lãi tính trên số tiền chưa đóng.

2. Truy thu:

a) Truy thu do trốn đóng: kết luận Thanh tra từ ngày 01/01/2016 thì ngoài việc truy thu số tiền phải đóng theo quy định, còn phải truy thu số tiền lãi tính trên số tiền, thời gian trốn đóng và mức lãi suất chậm đóng như sau:

- Toàn bộ thời gian trốn đóng trước ngày 01/01/2016, được tính theo mức lãi suất áp dụng đối với năm 2016;

- Đối với thời gian trốn đóng từ ngày 01/01/2016 trở đi, được tính theo mức lãi suất chậm đóng áp dụng đối với từng năm áp dụng tại thời điểm phát hiện trốn đóng.

b) Truy thu do điều chỉnh tăng tiền lương đã đóng cho người lao động: trường hợp sau 06 tháng kể từ ngày người có thẩm quyền quyết định hoặc HĐLĐ (phụ lục HĐLĐ) mới thực hiện truy đóng thì số tiền truy thu được tính bao gồm: số tiền phải đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo quy định và tiền lãi truy thu tính trên số tiền phải đóng.



XỬ LÝ VI PHẠM (điều 122)

3. Lãi suất chậm đóng, truy đóng

- Đối với BHXH bắt buộc và BHTN tính bằng 2 lần lãi suất đầu tư quỹ BHXH của năm trước liền kề do BHXH VN công bố. Từ 1/1/2020 là: $5,8\% \times 2 = 11,6\%$ / năm (0,9666/tháng).

- Đối với BHYT thì k tính bằng 2 lần lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 9 tháng do NH Nhà nước Việt Nam công bố tại Cổng Thông tin điện tử. Từ 1/1/2020 là: $5,86\% \times 2 = 11,72\%$ /năm (0,9766%/tháng).



HỒ SƠ TRUY ĐÓNG

1. Truy thu dưới 6 tháng


Trường hợp đơn vị đề nghị truy thu cộng nổi thời gian dưới 6 tháng, cơ quan BHXH thu tháng phát sinh. Tổ chức kiểm tra và lập mẫu D04h-TS tại đơn vị hoặc xếp lịch kiểm tra định kỳ và đồng thời đối chiếu các hồ sơ có truy thu theo quy định.

2. Truy thu từ 6 tháng trở lên

Trường hợp đơn vị đề nghị truy thu cộng nổi thời gian từ 6 tháng trở lên Cơ quan BHXH tổ chức thanh tra đóng BHXH và lập Biên bản vi phạm hành chính gửi Phòng Thanh tra – Kiểm tra ra quyết định xử lý vi phạm hành chính. Hoặc lập đề xuất ra Quyết định thanh tra.


MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC BHXH

*Áp dụng từ ngày 15/4/2020



NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (SDLD)

Từ ngày 15/4/2020, Nghị định số 28/2020/NĐ-CP có hiệu lực, quy định mức xử phạt vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực BHXH tại các Điều 38, 39 và 40. Cụ thể:



NGƯỜI LAO ĐỘNG (NLD)

Hàng năm không niêm yết công khai thông tin đóng BHXH của NLD do cơ quan BHXH cung cấp.

Không thực hiện thủ tục xác nhận về việc đóng BH thất nghiệp cho NLD.

Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về đóng BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp của NLD khi NLD hoặc tổ chức Công đoàn yêu cầu.

Không trả chế độ Bảo hiểm Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tiền do cơ quan BHXH chuyển đến (mức phạt với mỗi NLD, tối đa không quá 75 triệu đồng).

Phạt tiền từ 500.000 - 1.000.000 đồng với các hành vi:

Thỏa thuận với người SDLD không tham gia BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp, tham gia không đúng đối tượng hoặc tham gia không đúng mức quy định.

Kê khai không đúng sự thật hoặc sửa chữa, tẩy xóa làm sai sự thật những nội dung có liên quan đến việc hưởng BHXH, BH thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Không thông báo với Trung tâm DVVL theo quy định khi NLD có việc làm trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp...

Phạt tiền từ 1.000.000 - 2.000.000 đồng với các hành vi:

Mức riêng với người SDLD

<p>Phạt tiền từ 2.000.000 - 4.000.000 đồng với các hành vi:</p>	<p>Không lập hồ sơ tham gia BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp cho người lao động trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giao kết HĐLĐ, hợp đồng làm việc hoặc tuyển dụng (mức phạt với mỗi hồ sơ).</p> <p>Không thông báo với Trung tâm DVVL nơi đặt trụ sở làm việc của người SDLD khi có biến động lao động việc làm tại đơn vị theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Phạt tiền từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng với các hành vi:</p>	<p>Không cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng, hưởng BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan BHXH.</p> <p>Làm giả, làm sai lệch nội dung về BHXH, BH thất nghiệp để trục lợi chế độ BHXH, BH thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với mỗi hồ sơ.</p>
<p>Phạt tiền từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng với các hành vi:</p>	<p>Tổ chức, triển khai đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động không theo đúng phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>
<p>Phạt tiền từ 50.000.000 - 75.000.000 đồng với các hành vi:</p>	<p>Trốn đóng BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự</p>
<p>Phạt tiền từ 12% đến 15% tổng số tiền phải đóng BHXH</p>	<p>Chậm đóng BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp; đóng không đúng mức quy định mà không phải là trốn đóng; đóng BHXH, BH thất nghiệp không đủ số người thuộc diện tham gia mà không phải là trốn đóng (Tối đa không qua 75 triệu đồng, tại thời điểm lập biên bản vi phạm).</p>
<p>Phạt tiền từ 18% đến 20% tổng số tiền phải đóng (hưởng) BHXH</p>	<p>Không đóng BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp cho toàn bộ NLD thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, BH thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (tối đa không qua 75 triệu đồng, tại thời điểm lập biên bản vi phạm).</p> <p>Tổng số tiền hưởng BHXH bắt buộc của NLD mà người SDLD đã chiếm dụng (tối đa không qua 75 triệu đồng, tại thời điểm lập biên bản vi phạm).</p>

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM <https://baohiemxahoi.gov.vn>

TỘI GIAN LẬN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Theo Điều 214 Bộ luật Hình sự 2015 về tội gian lận bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm (BH) thất nghiệp:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền BHXH, BH thất nghiệp từ 10 - 100 triệu đồng hoặc gây thiệt hại từ 20 - 200 triệu đồng:

 Lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch hồ sơ BHXH, BH thất nghiệp lừa dối cơ quan BHXH

 Dùng hồ sơ giả hoặc hồ sơ đã bị làm sai lệch nội dung lừa dối cơ quan BHXH hưởng các chế độ BHXH, BH thất nghiệp


PHẠT


TIỀN 20 - 100 triệu đồng
CẢI TẠO không giam giữ đến 02 năm
TÙ

TỘI TRỐN ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN

Theo Điều 216 Bộ luật Hình sự 2015 về Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động (NLĐ):

1. Người nào có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên thuộc một trong những trường hợp sau đây:

 Trốn đóng bảo hiểm từ 50 - 300 triệu đồng


 Trốn đóng bảo hiểm cho từ 10 - 50 người
(Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm)


Bị phạt


TIỀN 50 - 200 triệu đồng	CẢI TẠO không giam giữ 01 năm
TÙ 03 tháng - 01 năm	


Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 200 - 500 triệu đồng

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

 Phạm tội 2 lần trở lên

 Trốn đóng bảo hiểm từ 300 triệu - 1 tỷ đồng

 Trốn đóng bảo hiểm cho từ 50 - 200 người

 Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của NLĐ quy định tại điểm a hoặc b khoản 1 Điều này

Bị phạt

TIỀN 200 - 500 triệu đồng	TÙ 06 tháng - 01 năm
-------------------------------------	--------------------------------

Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 500 triệu - 1 tỷ đồng

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

-  Trốn đóng bảo hiểm từ **1 tỷ đồng** trở lên
-  Trốn đóng bảo hiểm cho từ **200 người** trở lên
-  Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của NLD quy định tại điểm b hoặc c khoản 2 Điều này

Bị phạt

- TIỀN**
500 triệu - 1 tỷ đồng
- TÙ**
02 - 07 năm


 **Pháp nhân thương mại** phạm tội thì bị phạt tiền từ **01 - 03 tỷ đồng**

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ , **cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
<https://baohiemxahoi.gov.vn>

Mã số Bảo hiểm xã hội

- 1. Mỗi NLD chỉ được cấp một sổ BHXH với mã số BHXH duy nhất trong toàn bộ quá trình tham gia để theo dõi việc đóng và giải quyết chế độ BHXH, BHTN, BHYT.**
Người lao động khi tham gia BHXH, BHYT mà chưa được cấp mã số BHXH thì lập Tờ khai Mẫu TK1-TS, ghi mã số BHXH. NLD có thể tra cứu mã số BHXH, mã hộ gia đình tại <https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/Pages/tra-cuu-ho-gia-dinh.aspx>
- 2. Trường hợp một người có từ 02 sổ BHXH trở lên thì phải lập thủ tục gộp sổ, nếu có thời gian đóng BHXH, BHTN trùng nhau thì cơ quan BHXH thực hiện hoàn trả cho NLD số tiền đã đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất (22%) và số tiền đã đóng vào quỹ BHTN (2%)**
- 3. Tra cứu quá trình tham gia BHXH tại địa chỉ <https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/Pages/tra-cuu-dong-bao-hiem.aspx>**




Sổ Bảo hiểm xã hội

4. Sau khi cơ quan BHXH rà soát quá trình sổ, sổ BHXH được bàn giao (bao gồm bìa sổ BHXH và tờ rời sổ BHXH) cho NLĐ. Khi NLĐ thôi việc thì đơn vị lập hồ sơ báo giảm, căn cứ hồ sơ giảm cơ quan BHXH sẽ in tờ rời xác nhận sổ của thời gian tiếp theo chuyển đơn vị để trả NLĐ.

5. Đối với đơn vị nợ tiền đóng, nếu NLĐ đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc thôi việc thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho NLĐ.

Trường hợp đơn vị chưa đóng đủ thì xác nhận sổ BHXH đến thời điểm đã đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN. Sau khi thu hồi được số tiền đơn vị còn nợ thì xác nhận bổ sung trên sổ BHXH.



Thẻ Bảo hiểm y tế

1. Dữ liệu thẻ BHYT được quản lý tập trung và liên thông với dữ liệu thu. Các cơ sở KCB khi tiếp nhận thẻ BHYT của bệnh nhân đến khám bệnh thực hiện tra cứu thông tin về dữ liệu thẻ BHYT trên cổng tiếp nhận dữ liệu hệ thống thông tin giám định BHYT để xác định giá trị sử dụng của thẻ BHYT. Trên cơ sở kết quả tra cứu, cơ sở KCB BHYT thực hiện:

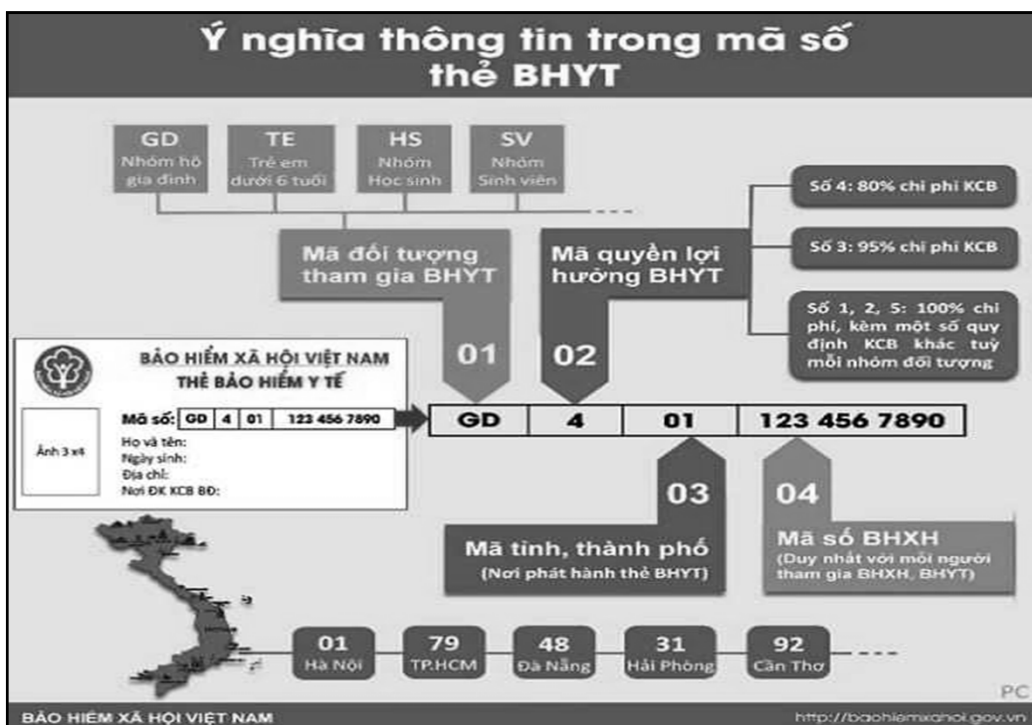
- Thanh toán chi phí KCB BHYT đối với các trường hợp người tham gia BHYT đang đóng BHYT và thẻ BHYT còn giá trị sử dụng.
- Không thanh toán chi phí KCB BHYT đối với các trường hợp người tham gia đã báo giảm đóng BHYT nhưng tại thời điểm KCB thẻ BHYT vẫn còn giá trị sử dụng.

Thẻ Bảo hiểm y tế


2. Thẻ BHYT có giá trị sử dụng tương ứng số tiền đóng BHYT, thời điểm thẻ BHYT có giá trị sử dụng kể từ ngày đóng tiền BHYT (ngày 1 của tháng đóng tiền và có phát sinh nộp hồ sơ).

3. Dữ liệu thẻ BHYT đối với đơn vị nợ:
Đơn vị nợ BHYT từ 30 ngày trở lên thì dữ liệu thẻ bị khóa người lao động sẽ không được KCB. Khi có phát sinh UNC nộp đủ tiền BHYT thì dữ liệu được mở để thẻ tiếp tục có giá trị.

4. Tra cứu giá trị sử dụng thẻ BHYT tại phần Tra cứu trực tuyến <https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/pages/tracuu-thoi-han-su-dung-the-bhyt.aspx>



Các chế độ Bảo hiểm xã hội

 CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU			
1. Bản thân ốm		Thời gian hưởng: ngày làm việc	
Thời gian tham gia BHXH	Dưới 15 năm	Từ 15 dưới 30 năm	Từ 30 năm
Điều kiện làm việc bình thường	30	40	60
Điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; nơi hệ số KV 0,7	40	50	70
2. Con ốm đau:			
Thời gian hưởng	Dưới 3 tuổi	Từ 3 – dưới 7 tuổi	
Tối đa cho 1 con	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	

CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

Mức hưởng

$$\frac{\text{tiền lương tháng liền kề}}{24} \times 75\% \times \text{số ngày nghỉ}$$

CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

Bản thân ốm

Mắc bệnh dài ngày trong danh mục bệnh cần chữa bệnh dài. (Thông tư 46/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế, thực hiện 1/3/2017).

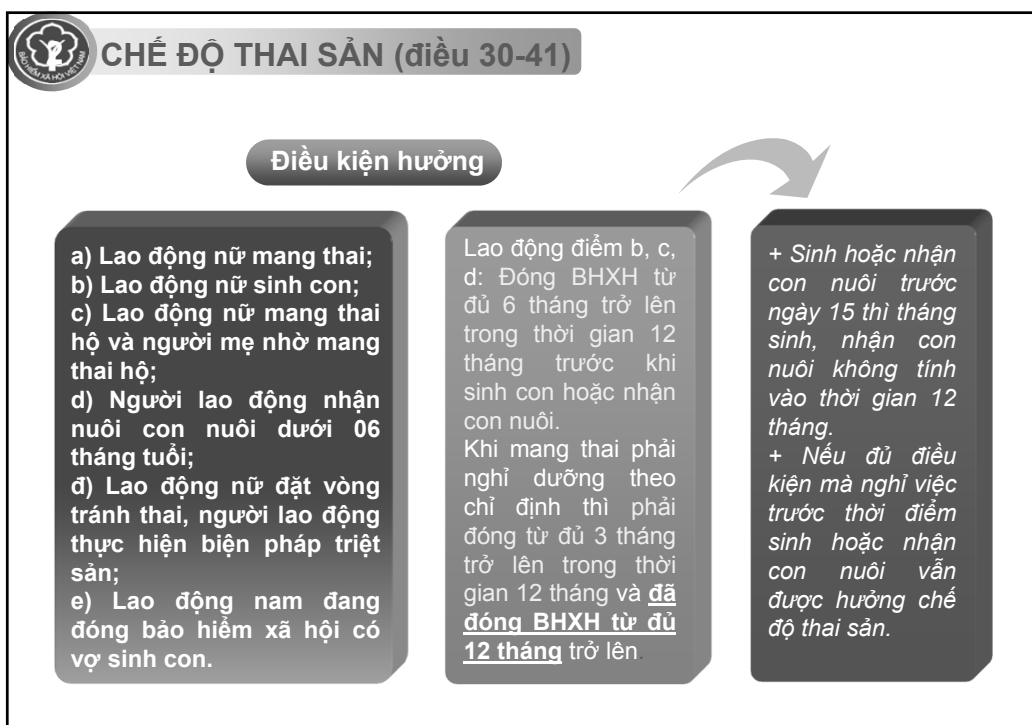
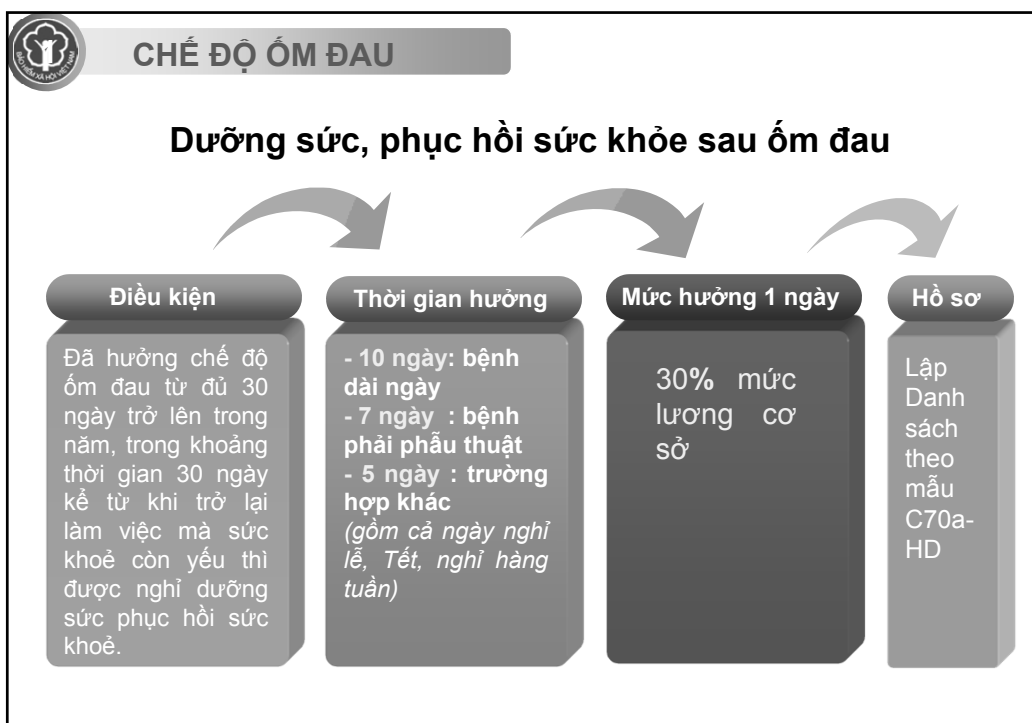
Tỷ lệ hưởng: 75%

Không quá 180 ngày trong 1 năm. Tính cả ngày nghỉ lễ, tết

Tỷ lệ hưởng thấp

Sau 180 ngày vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn, nhưng thời gian hưởng tối đa bằng thời gian đã đóng BHXH.

Thời gian tham gia BHXH	Dưới 15 Năm	Từ 15 dưới 30 năm	Từ 30 năm
Tỷ lệ hưởng	50%	55%	65%





Khám thai

- 5 lần : mỗi lần 1 ngày
- Trường hợp ở xa cơ sở y tế, thai có bệnh lý, thai không bình thường: mỗi lần 2 ngày
- Chỉ tính theo ngày làm việc.


Sảy thai, nạo, hút, thai chết lưu

Thai dưới 5 tuần	: 10 ngày
từ 5 – dưới 13 tuần	: 20 ngày
từ 13 – dưới 25 tuần	: 40 ngày
từ 25 tuần trở lên	: 50 ngày

Tính cả ngày nghỉ lễ, Tết, nghỉ hàng tuần

Sinh con

- Lao động nữ có đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản, khi nghỉ sinh con thì thời gian nghỉ thai sản là 6 tháng.
- Nếu sinh đôi trở lên, từ con thứ hai mỗi con được nghỉ thêm 1 tháng.
- Tính cả ngày nghỉ



Lao động nam

- 5 ngày vợ sinh con.
- 7 ngày vợ sinh phải phẫu thuật hoặc con dưới 32 tuần.
- Sinh đôi 10 ngày, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày
- Sinh đôi phải phẫu thuật 14 ngày

Thời gian nghỉ việc trong 30 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con.

Lao động nữ mang thai hộ, hoặc người mẹ

- Người lao động mang thai hộ được hưởng đầy đủ chế độ thai sản theo quy định.
- Trường hợp giao trẻ mà chưa đủ 60 ngày thì được hưởng đến đủ 60 ngày.
- Người mẹ nhận con được hưởng chế độ thai sản đến khi con đủ 6 tháng tuổi.



Thời gian hưởng chế độ thai sản

Sau khi sinh con chết

- Con dưới 2 tháng: **4 tháng kể từ ngày sinh**
- Con từ 2 tháng: **2 tháng kể từ ngày mất**
- Tổng thời gian không vượt quá thời gian nghỉ sinh con

Sau khi sinh mẹ chết


Người cha, người trực tiếp nuôi dưỡng được hưởng chế độ thai sản thời gian còn lại cho đến khi con đủ 6 tháng tuổi (kể cả trường hợp mẹ không đủ điều kiện hưởng, hoặc không tham gia BHXH). Trường hợp không nghỉ việc thì ngoài tiền lương vẫn được hưởng chế độ thai sản.

Nhận nuôi con nuôi

Người lao động được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 6 tháng tuổi. Trường hợp cả cha và mẹ đều tham gia thì chỉ 1 người được hưởng.

Triệt sản

- **Đặt vòng** : 7 ngày
- **Biện pháp triệt sản** : 15 ngày
- * **Tính cả ngày nghỉ**



CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1 **Mức hưởng khi khám thai; lao động nam hưởng chế độ khi vợ sinh:**


$$\frac{\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ}}{24 \text{ ngày}} \times \text{số ngày nghỉ theo chế độ thai sản}$$

2 **Mức hưởng khi sảy, nạo thai, thai chết lưu, thực hiện biện pháp tránh thai :**

$$\frac{\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ}}{30 \text{ ngày}} \times \text{số ngày nghỉ theo chế độ thai sản}$$

3 **Mức hưởng khi nghỉ việc sinh con, nhận nuôi con nuôi:**

$$\frac{\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ}}{\times} \text{Số tháng nghỉ theo chế độ thai sản}$$


 **CHẾ ĐỘ THAI SẢN**

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội, người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp người lao động đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 06 tháng thì mức hưởng chế độ thai sản khi khám thai, sảy thai, nạo hút thai, thai chết lưu, lao động nam nghỉ thai sản khi vợ sinh... là mức bình quân tiền lương tháng của các tháng đã đóng bảo hiểm xã hội

Người lao động nữ đi làm trước thời hạn nghỉ sinh con

- Điều kiện: đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất 4 tháng và báo trước được người sử dụng lao động đồng ý.
- Ngoài tiền lương của những ngày làm việc vẫn được hưởng chế độ thai sản. Thời gian hưởng tiền lương phải đóng BHXH, BHYT, BHTN.

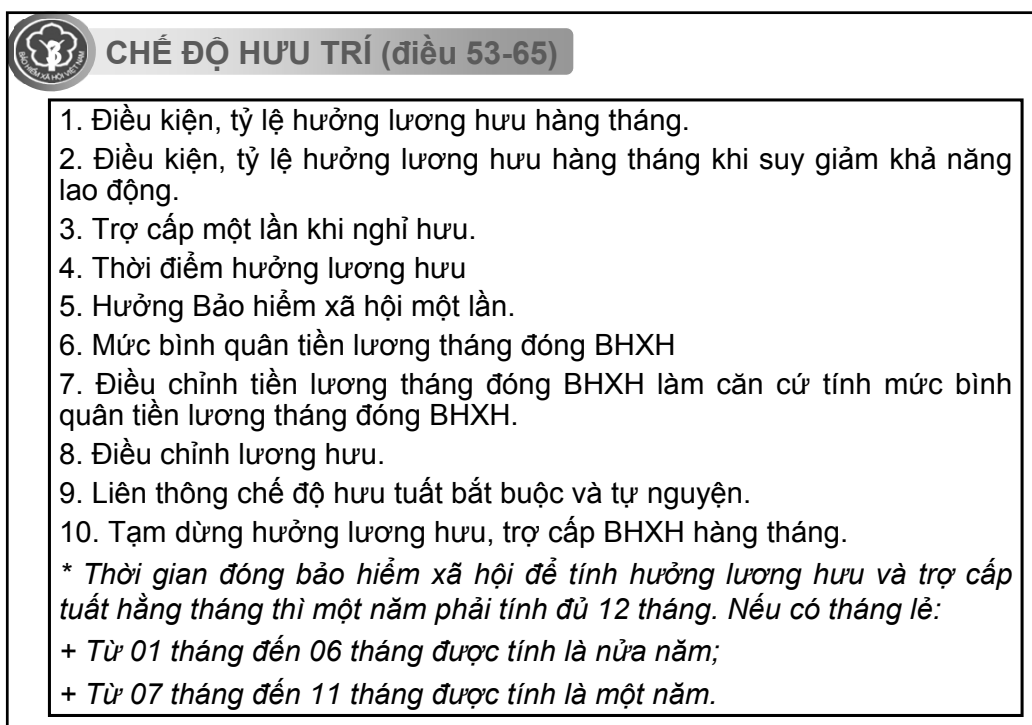
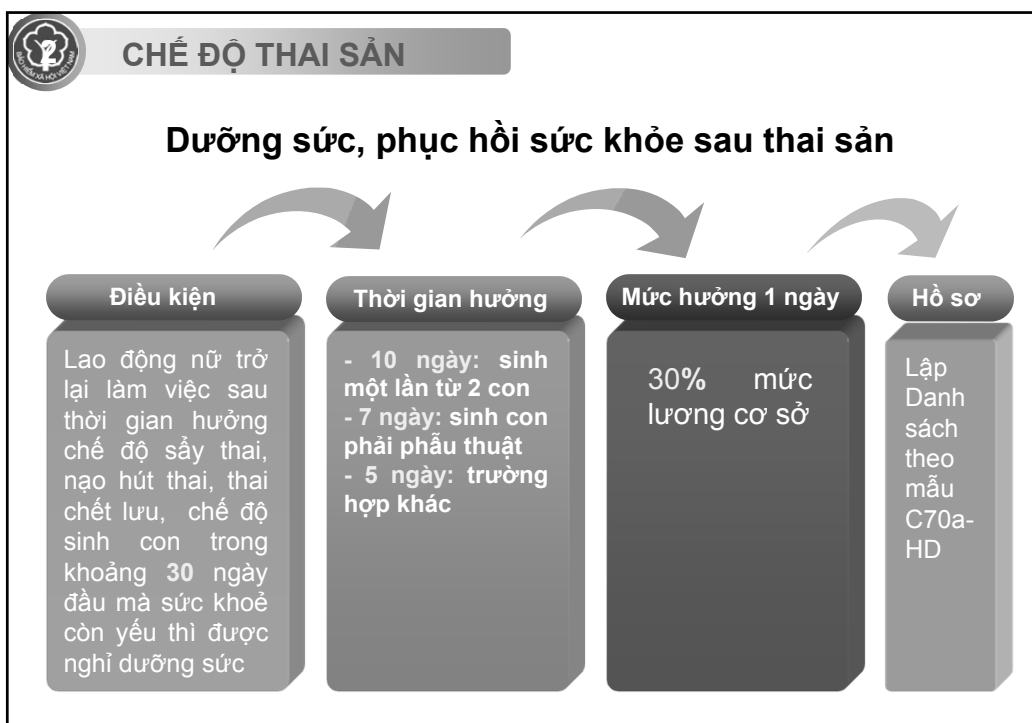
 **CHẾ ĐỘ THAI SẢN**

Trợ cấp sinh con Trợ cấp một lần khi sinh con, nhận nuôi con nuôi 2 tháng theo cơ sở cho mỗi con.
Trường hợp sinh con chỉ có cha tham gia BHXH (6 tháng trong thời gian 12 tháng), thì cha được nhận trợ cấp.

Đủ điều kiện hưởng chế độ nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi nhưng không nghỉ việc: chỉ hưởng trợ cấp một lần

Trợ cấp một lần được tính theo mức lương cơ sở tại tháng người lao động sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi

Tiền lương tháng đóng BHXH làm cơ sở tính hưởng chế độ thai sản (đóng theo chế độ tiền lương do NN quy định) tính theo mức lương cơ sở tại tháng hưởng chế độ



1 Điều kiện, tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng

Tuổi		Đóng BHXH	Điều kiện khác	Tỷ lệ hưởng (Căn cứ số năm đóng BHXH)
Nam	Nữ			
60	55	20 năm	- 15 năm nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm - Nơi có PCKV 0,7 15 năm khai thác hầm lò Nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Số năm đóng BHXH của nam và nữ = tỷ lệ 45% - Nam từ 2018 là 16 năm 2019 là 17 năm 2020 là 18 năm 2021 là 19 năm 2022 là 20 năm - Nữ từ 2018 là 15 năm Mỗi năm tiếp theo + 2% Không quá 75%
55	50			
50				
Không phân biệt tuổi				
	55	15 – 20 năm	Chuyên trách hoặc không chuyên trách xã, phường	Thấp nhất bằng lương cơ sở (trừ đối tượng không chuyên trách X,P)

2 Điều kiện, tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng khi suy giảm khả năng lao động

Từ năm	Tuổi		Đóng BHXH	Điều kiện khác	Tỷ lệ hưởng
	Nam	Nữ			
2016	51	46	20 năm	Suy giảm khả năng lao động từ 61%	- Mỗi năm nghỉ trước tuổi so với quy định trừ 2% - Tuổi nghỉ hưu có tháng lẻ: + Đến đủ 6 tháng trừ 1% + Trên 6 tháng không trừ
2017	52	47			
2018	53	48			
2019	54	49			
2020	55	50			
	50	45			
Không phân biệt tuổi đời			SGKNLĐ từ 61% và có 15 năm đặc biệt NN,ĐH,NH		

3

Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu**Điều kiện**

Đối với người lao động đã đóng BHXH cao hơn số năm tương ứng với tỷ lệ lương hưu 75%.

Mức hưởng

1 năm = 0,5 mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH

4

Thời điểm hưởng hưu

Về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 tháng liền kề sau tháng sinh của năm mà NLĐ đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu. Trường hợp hồ sơ NLĐ không ghi ngày sinh, tháng sinh (chỉ ghi năm sinh) thì thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm NLĐ đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Khi suy giảm khả năng lao động đối với người có đủ điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng BHXH được tính từ ngày 01 tháng liền kề sau tháng có kết luận HĐGDYK.

Thời điểm hưởng lương hưu là thời điểm hưởng lương hưu ghi trong quyết định nghỉ việc do NSDLĐ lập khi NLĐ đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định (nộp chậm nhất 30 ngày trước thời điểm hưởng lương hưu).

Đối với NLĐ đang bảo lưu thời gian đóng BHXH, thời điểm hưởng lương hưu là thời điểm do NLĐ ghi trong đơn đề nghị khi đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định.

5

Hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần**Điều kiện**

Người lao động thuộc 1 trong các trường hợp:

- a) Đủ tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 4 Điều 54 của Luật BHXH mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH hoặc theo quy định tại Khoản 3 Điều 54 của Luật BHXH mà chưa đủ 15 năm đóng BHXH và không tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện;
- b) Ra nước ngoài để định cư;
- c) Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Sau một năm nghỉ việc mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH và không tiếp tục đóng BHXH (Nghị quyết 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015)

Mức hưởng

- Mỗi năm đóng BHXH = 1,5 tháng mức tiền lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014.
 - Đóng từ năm 2014 = 2 tháng mức tiền lương bình quân.
 - Tháng lẻ: 1-6 tháng = ½ năm; 7-11 tháng = 1 năm
- Trường hợp chưa đủ năm = số tiền đã đóng, mức tối đa = 2 tháng.*

6

Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH để tính lương hưu, trợ cấp một lần**6.1 Đối tượng thực hiện theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định:**

Thời gian bắt đầu tham gia BHXH	Mức lương tính bình quân
- Trước 1/1995	5 năm cuối
- Từ 1/1995 đến 12/2000	6 năm cuối
- Từ 1/2001 đến 12/2006	8 năm cuối
- Từ 1/2007 đến 12/2015	10 năm cuối
- Từ 1/2016 đến 12/2019	15 năm cuối
- Từ 1/2020 đến 12/2024	20 năm cuối
- Từ 1/2025	Toàn bộ thời gian

6.2 Đối tượng thực hiện theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quy định:

= bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của toàn bộ thời gian

6.3 Đối tượng vừa có thời gian thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định vừa có thời gian thực hiện theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quy định:

= bình quân tiền lương tháng đóng BHXH chung của các thời gian đó

Mức bình quân tiền lương	=	Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH theo chế độ Nhà nước	+	Tổng số tiền lương tháng đóng theo chế độ người sử dụng lao động quyết định
		Tổng số tháng đóng BHXH		

Trong đó:

Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH theo chế độ Nhà nước	=	Tổng số tháng đóng BHXH theo chế độ Nhà nước	X	Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH
---	---	--	---	--

Nếu có từ 2 giai đoạn trở lên đóng BHXH theo chế độ NN:

Tổng số tháng đóng BHXH theo chế độ NN = Tổng số các tháng đóng BHXH theo chế độ NN của các giai đoạn

7

Điều chỉnh tiền lương tháng đóng BHXH làm căn cứ tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH



Mức điều chỉnh năm 2020

Thông tư 35/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019

Năm	Trước 1995	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Mức điều chỉnh	4,85	4,12	3,89	3,77	3,50	3,35	3,41	3,42	3,29	3,19	2,96	2,73	2,54
Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019 2020
Mức điều chỉnh	2,35	1,91	1,79	1,64	1,38	1,26	1,18	1,14	1,13	1,10	1,06	1,03	1

8

Điều chỉnh lương hưu: Trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế.
Nghị định 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018:
 từ 1/7/2018 tăng thêm: $Lương\ hưu \times 6,92\%$

9

Liên thông chế độ hưu tuất bắt buộc và tự nguyện
Cộng thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện
 làm cơ sở tính chế độ hưu tuất

10

Tạm dừng và tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp
BHXH hàng tháng

Tạm
dừng

- Xuất cảnh trái phép
- Bị toà án tuyên bố là mất tích
- Hưởng bảo hiểm xã hội không đúng quy định

Tiếp tục
hưởng


- Trở về định cư hợp pháp
- Được toà án tuyên bố là mất tích trở về

11

Chế độ bảo hiểm xã hội đối với người đang hưởng lương hưu ra nước ngoài định cư

NGHỊ ĐỊNH 153/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018

Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	Tỷ lệ điều chỉnh tương ứng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội và thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu:			
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
20 năm	7,27%	5,45%	3,64%	1,82%
20 năm 01 tháng - 20 năm 06 tháng	7,86%	5,89%	3,93%	1,96%
20 năm 07 tháng - 21 năm	8,42%	6,32%	4,21%	2,11%
21 năm 01 tháng - 21 năm 06 tháng	8,97%	6,72%	4,48%	2,24%
21 năm 07 tháng - 22 năm	9,49%	7,12%	4,75%	2,37%
22 năm 01 tháng - 22 năm 06 tháng	10,00%	7,50%	5,00%	2,50%
22 năm 07 tháng - 23 năm	10,49%	7,87%	5,25%	2,62%
23 năm 01 tháng - 23 năm 06 tháng	10,97%	8,23%	5,48%	2,74%
23 năm 07 tháng - 24 năm	11,43%	8,57%	5,71%	2,86%
24 năm 01 tháng - 24 năm 06 tháng	11,88%	8,91%	5,94%	2,97%
24 năm 07 tháng - 25 năm	12,31%	9,23%	6,15%	3,08%
25 năm 01 tháng - 25 năm 06 tháng	10,91%	8,18%	5,45%	2,73%
25 năm 07 tháng - 26 năm	9,55%	7,16%	4,78%	2,39%
26 năm 01 tháng - 26 năm 06 tháng	8,24%	6,18%	4,12%	2,06%
26 năm 07 tháng - 27 năm	6,96%	5,22%	3,48%	1,74%
27 năm 01 tháng - 27 năm 06 tháng	5,71%	4,29%	2,86%	1,43%
27 năm 07 tháng - 28 năm	4,51%	3,38%	2,25%	1,13%
28 năm 01 tháng - 28 năm 06 tháng	3,33%	2,50%	1,67%	0,83%
28 năm 07 tháng - 29 năm	2,19%	1,64%	1,10%	0,55%
29 năm 01 tháng - 29 năm 06 tháng	1,08%	0,81%	0,54%	0,27%

 **CHẾ ĐỘ TUẤT (điều 66-71)**

1 Trợ cấp mai táng

Điều kiện

Đối tượng sau đây khi chết (hoặc được tòa án tuyên bố đã chết) thì thân nhân được nhận trợ cấp:

- NLĐ đang đóng BHXH, NLĐ đang bảo lưu thời gian đóng BHXH từ đủ 12 tháng trở lên.
- Người lao động chết do TNLĐ, BNN hoặc chết trong thời gian điều trị.
- Người đang hưởng lương hưu; hưởng trợ cấp TNLĐ – BNN hàng tháng đã nghỉ việc.

Mức hưởng

10
tháng
lương
cơ sở

2 Trợ cấp tuất hàng tháng

Điều kiện áp dụng

Đối tượng áp dụng trợ cấp mai táng khi chết, thân nhân được nhận trợ cấp tuất hàng tháng khi:

- Đã đóng BHXH đủ từ 15 năm và chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần
- Chết do TNLĐ – BNN
- Đang hưởng trợ cấp TNLĐ – BNN hàng tháng với mức suy giảm KNLĐ từ 61%.
- Đang hưởng lương hưu,

Điều kiện thân nhân

- Vợ từ đủ 55 tuổi (chồng từ đủ 60 tuổi); hoặc suy giảm khả năng LĐ từ 81%.
- Cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng) hoặc người khác mà đối tượng có trách nhiệm nuôi dưỡng từ đủ 55 tuổi (đối với nữ) 60 tuổi (đối với nam); hoặc suy giảm khả năng LĐ từ 81%.

Thân nhân nói trên (ngoại trừ con) phải không có thu nhập hoặc thu nhập hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở.

2 Trợ cấp tuất hàng tháng

Mức trợ cấp

- * Mỗi thân nhân = mức lương cơ sở /tháng
- Nếu thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng = mức lương cơ sở / tháng*
- * Số thân nhân được trợ cấp: không quá 4 người
- Nếu có từ hai người chết trở lên thuộc đối tượng quy định thì thân nhân được hưởng 2 lần mức trợ cấp quy định*

Thời điểm hưởng

Kể từ tháng liền kề sau tháng người lao động, người hưởng lương hưu, TNLĐ-BNN chết.

3 Trợ cấp tuất 1 lần

Điều kiện

- Người chết không thuộc đối tượng áp dụng trợ cấp tuất hàng tháng.
- Hoặc thuộc đối tượng áp dụng trợ cấp tuất hàng tháng nhưng không có thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.
- Hoặc thân nhân đủ điều kiện hưởng hàng tháng nhưng có nguyên vong nhân tuất 1 lần (trừ con dưới 6 tuổi)

2 loại mức trợ cấp

1. Người lao động đang làm việc, đang bảo lưu BHXH bị chết.
2. Người đang hưởng lương hưu bị chết.

3

Trợ cấp tuất 1 lần**1. Đang làm việc, bảo lưu**

- Mỗi năm tham gia BHXH trước 2014 = 1,5 tháng; từ năm 2014 = 2 tháng mức bình quân tiền lương đóng BHXH.
- Thấp nhất = 3 tháng mức bình quân tiền lương


2. Đang hưởng lương hưu

- Chết trong 2 tháng đầu hưởng lương hưu = 48 tháng lương hưu đang hưởng.
- Nếu chết sau đó, cứ hưởng thêm 1 tháng lương hưu: mức trợ cấp giảm đi 0,5 tháng lương hưu.
- Thấp nhất = 3 tháng lương hưu đang hưởng


**Bảo hiểm xã hội
tự nguyện**

Nhiều lợi ích khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

ĐỐI TƯỢNG:
Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.



Người tham gia BHXH tự nguyện sẽ được hưởng 2 chế độ: **Hưu trí và tử tuất** để có thể đảm bảo cuộc sống cho mình khi không còn tiếp tục làm việc.



Mức thu nhập làm căn cứ đóng:

<p>Mức thấp nhất bằng mức chuẩn hộ nghèo nông thôn (700.000đ/tháng)</p>	<p>Mức cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở (1.490.000đ/tháng x 20 = 29.800.000đ)</p>
--	--

MỨC ĐÓNG:
Bằng 22% mức thu nhập do người tham gia tự chọn.

700.000 đồng x 22%
= 154.000đ/1 tháng

29.800.000 đồng x 22%
= 6.556.000đ/1 tháng

NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ:
Nhà nước hỗ trợ tiền đóng khi tham gia BHXH tự nguyện (thời gian tối đa là 10 năm)

Người tham gia thuộc hộ nghèo: **30%**

Người tham gia thuộc hộ cận nghèo: **25%**

Các đối tượng tham gia khác: **10%**


PHƯƠNG THỨC THAM GIA:
Người đang tham gia có thể thay đổi phương thức đóng hoặc mức đóng.

Đóng một lần

Hàng tháng	3 tháng một lần	6 tháng một lần	12 tháng một lần	Không quá 5 năm một lần	Không quá 10 năm ^(*)
------------	-----------------	-----------------	------------------	-------------------------	---------------------------------

(*) Đóng một lần cho những năm còn thiếu đối với người đã đủ tuổi hưởng lương hưu.

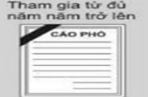
CÁC QUYỀN LỢI:
Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi trở lên và có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên sẽ được hưởng lương hưu hằng tháng. Lương hưu được điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế phù hợp với quỹ BHXH.



Chế độ hưu trí
Lương hưu tháng hoặc trợ cấp 1 lần



Bảo hiểm y tế
Được cấp BHYT miễn phí khi đang hưởng lương hưu



Tham gia từ đủ năm năm trở lên
CAO PHO
Chế độ tử tuất
Trợ cấp mai táng
Trợ cấp tiền tuất



Mức đóng và phương thức đóng BHXH tự nguyện




Mức đóng và phương thức đóng BHXH tự nguyện



LUẬT
VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG
Số 84/2015/QH13

**Những nội dung cơ bản
về chế độ tai nạn lao động,
bệnh nghề nghiệp**




Mức đóng, phương thức đóng

1. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng bằng mức 1% từ 1/7/2016 và giảm xuống còn 0,5% từ 1/6/2017 trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

Mức đóng này thay thế cho mức đóng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội (2014) hết hiệu lực từ ngày 01/07/2016.

2. Trường hợp người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động mà đã đóng bảo hiểm xã hội và quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại một nơi thì người sử dụng lao động nơi còn lại phải đóng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động nếu người lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc.




Mức đóng, phương thức đóng

3. Mức đóng bằng 0,3% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội được áp dụng đối với doanh nghiệp bảo đảm điều kiện:


- Trong vòng 03 năm tính đến thời điểm đề xuất không bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện việc báo cáo định kỳ tai nạn lao động và báo cáo về an toàn, vệ sinh lao động chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn trong 03 năm liền kề trước năm đề xuất;
- Tần suất tai nạn lao động của năm liền kề trước năm đề xuất phải giảm từ 15% trở lên so với tần suất tai nạn lao động trung bình của 03 năm liền kề trước năm đề xuất hoặc không để xảy ra tai nạn lao động tính từ 03 năm liền kề trước năm đề xuất.

Người sử dụng lao động có nhu cầu áp dụng mức đóng thấp hơn mức đóng bình thường vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua đường bưu điện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



Chế độ đối với NLĐ giao kết nhiều HĐLĐ


1. Hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng hoặc một lần được tính trên cơ sở tổng các mức tiền lương làm căn cứ đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của tất cả các hợp đồng lao động tại thời Điểm xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nhưng không quá mức tối đa theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.
2. Chế độ hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và phục hồi chức năng lao động quy định tại Nghị định này và các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.



CHẾ ĐỘ TNLĐ - BNN

Điều kiện tai nạn lao động

<p>Bị tai nạn trong 3 trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc. - Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động - Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý. 	<p>Và bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên.</p>
---	---

 **CHẾ ĐỘ TNLĐ - BNN**

Biên bản TNLĐ

- Thời hạn điều tra tai nạn lao động lập chậm nhất không quá:
 - + 4 ngày trường hợp nhẹ
 - + 7 ngày trường hợp nặng
 - + 20 ngày trường hợp nặng từ 2 người.
 - + 30 ngày chết người hoặc 60 ngày phải giám định.
- Thành phần đoàn điều tra phải gồm có: người sử dụng lao động; đại diện BCH công đoàn; người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động cơ sở;
- Cơ quan QL LĐ cấp tỉnh thành lập đoàn nếu TNLĐ chết người

TNLĐ do TN giao thông

Trường hợp tai nạn trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc thì CQ nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp cho Đoàn điều tra một trong các giấy tờ sau đây:

- a) Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn;
- b) Biên bản điều tra tai nạn giao thông;
- c) Trường hợp không có các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì phải có văn bản xác nhận bị tai nạn của cơ quan Công an xã, phường, thị trấn nơi xảy ra tai nạn theo đề nghị của NLĐ hoặc thân nhân của người lao động.

 **CHẾ ĐỘ TNLĐ - BNN**

Điều kiện bệnh nghề nghiệp

Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp khi làm việc trong môi trường, nghề có yếu tố độc hại.

Và bị suy giảm khả năng lao động từ 5% do bị bệnh.

Chế độ trợ cấp 1 lần

Điều kiện

Suy giảm khả năng lao động từ 5% - 30%

Mức trợ cấp

Mức trợ cấp theo mức suy giảm KNLD + Mức trợ cấp theo số năm đã đóng BHXH.

Suy giảm KNLD

- 5% = 5 tháng lương cơ sở
- Thêm 1% = thêm 0,5 tháng lương cơ sở

Số năm đã đóng BHXH

- Từ 1 năm trở xuống = 0,5 tháng lương đóng BHXH liền kề trước khi nghỉ để điều trị.
- Thêm 1 năm (đủ 12 tháng) = thêm 0,3 tháng lương đóng BHXH liền kề trước khi nghỉ để điều trị.

Chế độ trợ cấp hàng tháng

Điều kiện

Suy giảm khả năng lao động từ 31%

Mức trợ cấp

Mức trợ cấp theo mức suy giảm KNLD + Mức trợ cấp theo số năm đã đóng BHXH.

Suy giảm KNLD

- 31% = 30% mức lương cơ sở
- Thêm 1% = thêm 2% mức lương cơ sở

Số năm đã đóng BHXH

- Từ 1 năm trở xuống = 0,5% tháng lương đóng BHXH liền kề trước khi nghỉ để điều trị.
- Thêm 1 năm (đủ 12 tháng) = thêm 0,3% tháng lương đóng BHXH liền kề trước khi nghỉ để điều trị.

Mức tiền lương làm căn cứ tính TNLĐ-BNN:

- Nếu bị TNLĐ ngay trong tháng đầu tham gia BHXH thì lấy lương đóng BHXH của chính tháng đó.

- Trường hợp NLĐ trước đó đã có thời gian đóng BHXH sau đó gián đoạn rồi trở lại làm việc mà bị TNLĐ-BNN ngay trong tháng đầu trở lại làm việc và đóng BHXH thì mức tiền lương làm cơ sở tính hưởng chế độ TNLĐ-BNN là mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của chính tháng đó.

Thời điểm hưởng trợ cấp:

- Từ tháng người lao động điều trị xong ra viện
- Nếu không điều trị nội trú: từ tháng có kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa.

Bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể do TNLĐ - BNN

Chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn căn cứ vào tình trạng thương tật, bệnh tật và theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng bảo đảm yêu cầu, điều kiện chuyên môn, kỹ thuật (mắt, răng, chân tay giả, giày chỉnh hình, xe lăn, máy trợ thính...)

Chế độ thanh toán tiền tàu xe một lần từ nơi cư trú đến cơ sở chỉnh hình phục hồi chức năng gần nhất.

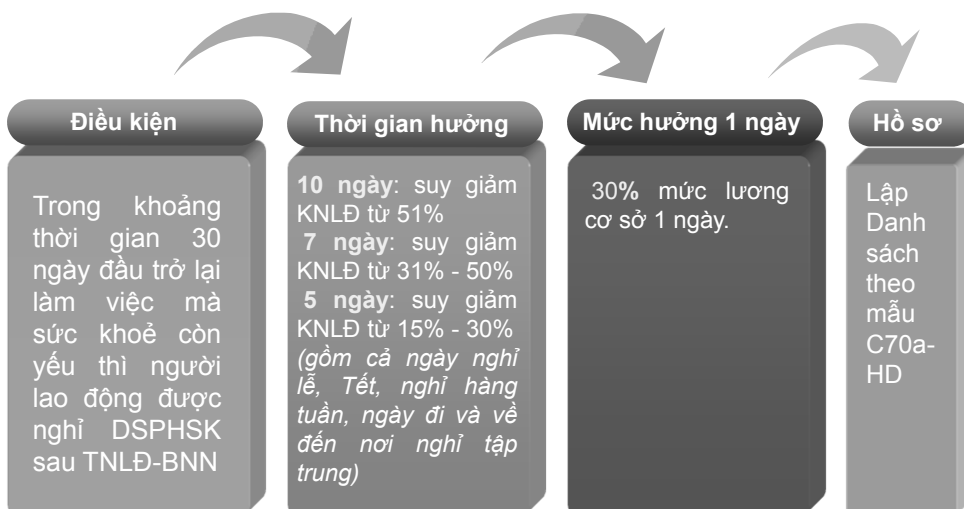
Các chế độ khác:

* Người hưởng trợ cấp hàng tháng nghỉ việc được hưởng BHYT do Quỹ BHXH trả

* Bị suy giảm từ 81%, tê liệt cột sống hoặc mù 2 mắt, cụt 2 chi, bị tâm thần được thêm trợ cấp phục vụ hàng tháng = mức lương cơ sở

* NLĐ đang làm việc bị chết do TNLĐ, BNN hoặc bị chết trong lần đầu điều trị do TNLĐ, BNN hoặc Người lao động bị chết trong thời gian điều trị thương tật, bệnh tật mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động thân nhân được trợ cấp một lần = 36 tháng lương cơ sở.

DƯỠNG SỨC, PHỤC HỒI SỨC KHỎE SAU TNLĐ-BNN





LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ SỐ 46/2014/QH13

NGHỊ ĐỊNH SỐ 146/2018/NĐ-CP

LỢI ÍCH KHI THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ



Bảo hiểm y tế là chính sách an sinh của Đảng và Nhà nước, vì quyền lợi của người dân, được Nhà nước bảo hộ, do cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện



Được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí khi tham gia **1**

Được KCB tại các cơ sở y tế có ký Hợp đồng KCB BHYT trên toàn quốc **2**

Được quỹ BHYT chi trả từ 80 - 100% chi phí khi KCB đúng tuyến **3**

Giúp bạn và gia đình giảm gánh nặng về chi phí KCB khi ốm đau, tai nạn **4**

Quỹ BHYT chi trả hàng chục nghìn loại thuốc và dịch vụ y tế **5**

Góp phần chia sẻ rủi ro, phát huy tinh thần "lá lành đùm lá rách" giữa những người tham gia **6**

* BHYT: Bảo hiểm y tế
KCB: khám chữa bệnh

Hãy gọi
Tổng đài
19009068
hoặc đến
các đại lý
thu BHXH
để được
tư vấn, hỗ
trợ khi
tham gia



Hàng năm có hàng nghìn người được quỹ BHYT chi trả chi phí KCB hơn

1 tỷ đồng

Người được quỹ BHYT chi trả chi phí KCB cao nhất là gần

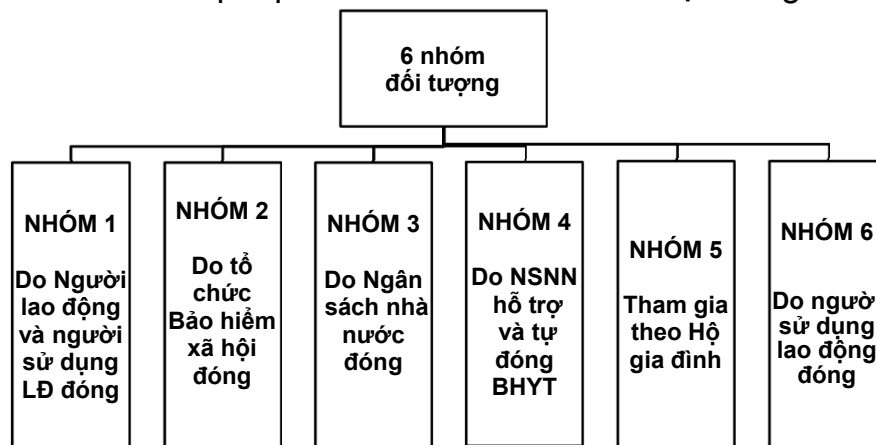
13 tỷ đồng

Bảo hiểm y tế - Luôn bên bạn và gia đình để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe



1. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT

Sắp xếp thành 6 nhóm theo trách nhiệm đóng



75



2. MỨC ĐÓNG TRÁCH NHIỆM ĐÓNG

- Mức đóng: Tối đa bằng 6% mức tiền lương, tiền công...
- Từ ngày 01/01/2015: bằng 4,5% mức tiền lương tháng, lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, tiền trợ cấp thất nghiệp. HSSV điều chỉnh từ 3% lên 4,5% mức lương cơ sở
- Quỹ BHXH: Đóng BHYT trong thời gian người lao động hưởng chế độ thai sản
- NSNN hỗ trợ: Cận nghèo, HSSV, Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- Một người thuộc nhiều đối tượng:
 - Đóng BHYT theo đối tượng đầu tiên được xác định theo thứ tự
 - Đóng BHYT theo hợp đồng có mức tiền cao nhất nếu người lao động có nhiều hợp đồng.

2. MỨC ĐÓNG, TRÁCH NHIỆM ĐÓNG

Giảm mức đóng khi tất cả thành viên trong hộ gia đình tham gia BHYT:

- Người thứ nhất đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở
- Người thứ 2, 3,4 đóng lần lượt bằng 70%, 60%, 50% mức đóng của người thứ nhất; Từ người thứ năm trở đi đóng bằng 40% mức đóng của người thứ nhất.

Người thứ	Mức đóng (%)	Mức đóng (đồng)
Người thứ Nhất	Đóng 4,5% mức LCS	804.600 đồng/năm
Người thứ Hai	Đóng 70%	563.220 đ
Người thứ Ba	Đóng 60%	482.760 đ
Người thứ Tư	Đóng 50%	402.300 đ
Người thứ Năm trở đi	Đóng 40%	321.840 đ

- Đối với hộ gia đình được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng thì không áp dụng giảm trừ mức đóng như trên.
- Tham gia BHYT HGD nếu tham gia mới, hoặc gián đoạn quá 3 tháng: thẻ có giá trị sau 30 ngày kể từ ngày đóng tiền. Nếu gia hạn, hoặc gián đoạn không quá 3 tháng thẻ có giá trị từ ngày đóng tiền.

3. THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN MIỄN ĐỒNG CHI TRẢ

Tham gia liên tục 5 năm (nếu có thời gian gián đoạn không quá 3 tháng thì được cộng dồn) và có số tiền đã đồng chi trả trong năm quá 6 tháng lương cơ sở thì được quỹ BHYT thanh toán chi phí 100% trong phạm vi quyền lợi

⇒ Thủ tục đơn giản và nhanh gọn: Bệnh nhân đến nơi phát hành thẻ để làm thủ tục nhận “Giấy chứng nhận không cùng chi trả trong năm” theo Luật BHYT

- Thẻ BHYT.
- Biên lai thu viện phí có phần đồng chi trả tại bệnh viện đạt tổng 8,94 triệu đồng.



4. MỞ THÔNG TUYẾN

1. Từ 1/1/2016: Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại trạm y tế tuyến xã, PKĐK, BV tuyến huyện được quyền KCB tại trạm y tế tuyến xã hoặc PKĐK hoặc BV tuyến huyện toàn quốc.
2. TT 40/2015/BYT ngày 16/11/2015 QĐ đăng ký KCB BHYT ban đầu và chuyển tuyến

Quy định tuyến BV và đăng ký KCB ban đầu



- BV. Quận 1 (hạng 3)
- BV. Quận Bình Thạnh (hạng 2)
- BV. Quận Thủ Đức (hạng 1)
- PKĐK Thiên Y (hạng 3)
- PKĐK Đại Phước (hạng 3)
- BV. ĐKKV Củ Chi (hạng 2)
- BV. ĐKKV Thủ Đức (hạng 2)
- BV. Quân Dân Y Miền Đông (hạng 2)

79



**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
LUẬT VIỆC LÀM
Luật số: 38/2013/QH13**

Chương 6: Bảo hiểm thất nghiệp




Mục 1. Quy định nguyên tắc, đối tượng chế độ BHTN.

Mục 2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động


Mục 3. Trợ cấp thất nghiệp

Mục 4. Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề



Đối tượng tham gia Bảo hiểm thất nghiệp

1	Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (hoặc hợp đồng làm việc) không xác định thời hạn; hợp đồng lao động (hoặc hợp đồng làm việc) có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên hoặc thi thuộc đối tượng tham gia BHTN.
2	Trong trường hợp người lao động giao kết và đang thực hiện nhiều hợp đồng lao động thì người lao động và người sử dụng lao động của hợp đồng lao động giao kết đầu tiên có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp.
3	Người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực.

 **Tiền lương làm căn cứ đóng Bảo hiểm thất nghiệp**

- 1 Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHTN là tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật BHXH. Trường hợp mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp cao hơn hai mươi tháng lương cơ sở thì mức tiền lương tháng đóng BHTN bằng hai mươi tháng lương cơ sở tại thời điểm đóng BHTN.
- 2 Người lao động đóng BHTN theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng BHTN là tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật BHXH. Trường hợp mức tiền lương tháng đóng BHTN cao hơn hai mươi tháng lương tối thiểu vùng thì mức tiền lương tháng đóng BHTN bằng hai mươi tháng lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật lao động tại thời điểm đóng BHTN.

ĐIỀU KIỆN HƯỞNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Theo quy định tại Điều 49 Luật Việc làm 2013

Người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi đủ các điều kiện sau đây:

- 1 ● Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc
 - Trừ các trường hợp
 - Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật;
 - Đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.
- 2 ● Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp:
 - trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động xác định thời hạn/không xác định thời hạn.
 - trong thời gian 36 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc hợp đồng từ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Từ đủ 12 tháng trở lên

3 ● **Nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp**
tại Trung tâm dịch vụ việc làm trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.



4 ● **Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày**
(tính từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp)



Trừ các trường hợp

- Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an;
- Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên;
- Chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù;
- Ra nước ngoài định cư; đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Người tham gia qua đời.

Mức trợ cấp thất nghiệp bằng 60% mức lương bình quân của 06 tháng liền kề có đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi thất nghiệp. Cứ đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ 12 - 36 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp; sau đó cứ đóng đủ 12 tháng thì được hưởng thêm 01 tháng trợ cấp, tối đa không quá 12 tháng; ngoài ra còn được hỗ trợ học nghề và tìm kiếm việc làm.


PC

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM <http://baohiemxahoi.gov.vn>

Các điểm tiếp nhận đăng ký hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp của Sở LĐ-TB và XH thành phố:


- 1. Trung tâm giới thiệu việc làm Thành phố** - 153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Q. Bình Thạnh. ĐT: 38405154 số lẻ 104, 122, 115, 101. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 1, 2, 3, 4, 5, 8, 10, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình
- 2. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Thủ Đức** - Địa chỉ: 17 Đường số 8, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức (Trường Trung cấp nghề quận Thủ Đức). ĐT: 37228171. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 9, Thủ Đức.
- 3. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Quận 7** - Địa chỉ: 314 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Tây, Quận 7 (Nhà văn hóa lao động Quận 7). ĐT: 22243690, 38728737. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 7, huyện Cần Giờ, Nhà Bè
- 4. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Bình Tân** - Địa chỉ: 637 Tỉnh lộ 10 (Bà Hóm), P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân (Trung tâm dạy nghề quận Bình Tân). ĐT: 22243691. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 6, 11, Bình Tân, Tân Phú, Bình Chánh
- 5. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Tân Bình** - Địa chỉ: 456 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình (Trung tâm dạy nghề Quận Tân Bình). ĐT: 38426154. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 10, 12, Tân Bình, Phú Nhuận, Tân Phú, Gò Vấp
- 6. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Hóc Môn** - Địa chỉ: 146 Đỗ Văn Dậy, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn (Trung tâm dạy nghề huyện Hóc Môn). ĐT: 22243692. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 12, Hóc Môn
- 7. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp quận 2** - Địa chỉ: 145 Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2 (Trung tâm dạy nghề Quận 2). Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Quận 2, 9, Thủ Đức, Bình Thạnh.
- 8. Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Củ Chi** - Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn Củ Chi (Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi). ĐT: 37924511. Tiếp nhận hồ sơ người thất nghiệp: Huyện Củ Chi

Một số quy định cung cấp thông tin và giao dịch hồ sơ BHXH


 CUNG CẤP VÀ CẬP NHẬT THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Yêu cầu các đơn vị thường xuyên vào trang thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật thông tin và nhận các văn bản, hướng dẫn mới, địa chỉ <http://hochiminh.bhxh.gov.vn>
2. Cung cấp địa chỉ email của đơn vị cho cơ quan BHXH và khi có thay đổi thì thông báo kịp thời để cơ quan BHXH gửi các tài liệu, văn bản, hướng dẫn, thông báo, thư mời... cho đơn vị.
3. Nhận Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN (C12-TS) qua Bưu điện hoặc tại <http://C12.bhxhtphcm.gov.vn>
4. Căn cứ vào danh sách tham gia và kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN của năm trước cơ quan BHXH thông báo tình hình đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN cho người lao động biết trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/Pages/tra-cuu-dong-bao-hiem.aspx>

88



GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ




1. Yêu cầu tất cả các đơn vị khi giao dịch hồ sơ thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT phải thực hiện bằng hình thức giao dịch điện tử (dùng chữ ký số đơn vị đang sử dụng giao dịch với cơ quan Thuế để ký file hồ sơ).

2. Các đơn vị dùng phần mềm do 7 nhà I-VAN cung cấp để khai báo hồ sơ: VNPT, TS24, Thái Sơn, Efy, Viettel, Bkav, CNC.
Hoặc sử dụng phần mềm K3HXXH do Bảo hiểm xã hội Việt Nam cung cấp để khai báo hồ sơ tại cổng thông tin điện tử <http://gddt.baohiemxahoi.gov.vn>


3. Khi thực hiện hình thức giao dịch điện tử các đơn vị tự khai thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật, không phải scan file HĐLĐ, QĐ... kèm theo hồ sơ điện tử.

4. Một số loại hồ sơ sổ, thẻ cho phép lập hồ sơ điện tử, nhưng sau đó đơn vị gửi hồ sơ gốc qua Bưu điện để được cơ quan BHXH giải quyết.

89



GIAO DỊCH HỒ SƠ QUA BƯU ĐIỆN



Khi nộp hồ sơ qua nhân viên Bưu điện:

1. Đăng ký chính xác tên người nhận hồ sơ và địa chỉ nơi đơn vị đăng ký tham gia BHXH, nếu đơn vị không cung cấp ghi trong bì hồ sơ BHXH sẽ gửi kết quả căn cứ vào địa chỉ mà đơn vị đã đăng ký trước đây với cơ quan BHXH.
Đăng ký bưu điện đến lấy hồ sơ bằng điện thoại hoặc trang hosobhxh.hcmpost.vn:

- Trước 10g lấy trong ngày.
- Sau 10g lấy trong buổi sáng ngày hôm sau.

2. Bưu điện chỉ nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ trên địa bàn TP.HCM, không nhận và gửi đi các tỉnh khác; Những đơn vị trước đây đã tham gia BHXH tại TP.HCM nay chuyển đi tỉnh khác, đề nghị các đơn vị làm thủ tục chuyển địa bàn nơi đăng ký giấy phép kinh doanh.

3. Nếu đơn vị nộp cùng lúc nhiều hồ sơ, đề nghị đơn vị nộp mỗi hồ sơ một bộ và kê khai đầy đủ, chính xác số lượng giấy tờ kèm theo trên phiếu giao nhận. Bưu điện nhận hồ sơ sẽ gửi đơn vị tờ vận đơn để theo dõi hồ sơ.

4. Trong thời gian gửi hồ sơ đơn vị có thể tra cứu hồ sơ mình gửi đã đến cơ quan BHXH hay chưa trên trang Web <http://vnpost.vn>, mục định vị bưu gửi.

5. Đơn vị sử dụng phần mềm iBHXH lập hồ sơ, đăng ký bưu điện đến lấy hồ sơ sẽ được gán mã bưu phẩm và thông tin được chuyển tự động cho BD.

90



BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
ĐC: 117C Nguyễn Đình Chính, Q. Phú Nhuận
ĐT: 028-39979039
<http://www.bhxhtphcm.gov.vn>

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN QUÝ VỊ
ĐÃ LẮNG NGHE**